

Biểu mẫu 09

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN LƯƠNG

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Đảm bảo	Đảm bảo	Đảm bảo	Đảm bảo
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	BGD&ĐT	BGD&ĐT	BGD&ĐT	BGD&ĐT
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Đầy đủ	Đầy đủ	Đầy đủ	Đầy đủ
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Trên 95%	Trên 95%	Trên 95%	Trên 95%
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Đủ khả năng	Đủ khả năng	Đủ khả năng	Đủ khả năng

Quận 6, ngày 18 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Đinh Phú Cường

Biểu mẫu 11

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN LUÔNG**

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông,
năm học 2024 - 2025**

STT	Nội dung	SL	Bình quân	GHI CHÚ
I	Số phòng học	50	Số m ² /học sinh	
II	Loại phòng học		-	
1	Phòng học kiên cố	50	2575	Mỗi phòng 51.5m ²
2	Phòng học bán kiên cố			
3	Phòng học tạm	0	-	
4	Phòng học nhờ	0	-	
5	Số phòng học bộ môn	6	463,2	Mỗi phòng 77.2m ²
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-	
7	Bình quân lớp/phòng học	50/50	1/1	
8	Bình quân học sinh/lớp	-	41,1	
III	Số điểm trường	1	-	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	10275	5,35	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	5295	2,8	
VI	Tổng diện tích các phòng	628		
1	Diện tích phòng học (m ²)	51,5	1,2	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	77,2	1,8	
3	Diện tích thư viện (m ²)	259,5	-	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	782,4		
5	truyền thống (m ²)	108		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu			
	(Đơn vị tính: bộ)	191	Số bộ/lớp	
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	253		
1,1	Khối lớp 6	64	4/1lớp	
1,2	Khối lớp 7	65	5/1lớp	
1,3	Khối lớp 8	80	4/1lớp	
1,4	Khối lớp 9	44	4/1lớp	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định			
2,1	Khối lớp 6	0		
2,2	Khối lớp 7	0		

2,3	Khối lớp 8	0		
2,4	Khối lớp 9	0		
3	tích/thiết bị)	0		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập			
	(Đơn vị tính: bộ)	90		
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp	
1	Ti vi	8		
2	Cát xét	6		
3	Đầu Video/đầu đĩa	0		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	9		
5	Đàn	2		

	Nội dung	(m ²)		
X	Nhà bếp	200		
XI	Nhà ăn	600		
	Nội dung	phòng, tổng diện tích	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	35	1550	0,9
XIII	Khu nội trú	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	0	8/8		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Quận 6, ngày 18 tháng 6 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Đinh Phú Cường

Biểu mẫu 10

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN LUÔNG**

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
và trường trung học phổ thông, năm học 2023 - 2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	2019	682	534	378	425
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1942 96,2%	661 96,90%	502 94,00%	358 94,70%	421 99,8%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	74 3,80%	21 2,20%	32 5,30%	20 3,80%	1 0,60%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0 0,00%	0 0%	0 0,00%	0 0,00%	0 0%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0,00%	0%	0%	0%
II	Số học sinh chia theo học lực					
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	860 54,0%	389 57,0%	287 53,80%	184 48,70%	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	494 29,7%	206 30,2%	175 32,70%	113 29,90%	
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	209 13,1%	73 10,7%	69 12,90%	67 17,70%	
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	31 1,9%	14 2,1%	3 0,60%	14 3,7%	
5	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	180 47,9%				180 42,4%
6	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	157 35,5%				157 36,9%
7	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	88 14,8%				88 20,7%
8	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0 0,0%				0 0,0%
9	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0 0,00%				0 0,0%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1988 97,20%	668 97,90%	531 99,40%	364 96,30%	425 100%
	Học sinh Xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	314 19,70%	138 20,20%	108 20,20%	68 18,00%	
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	695 47,9%	222 32,6%	177 33,2%	116 30,7%	180 42,4%

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	157 36,9%				157 36,9%
2	Kiểm tra lại (tỷ lệ so với tổng số)	31 1,9%	14 2,1%	3 0,60%	14 3,7%	0 0,0%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	1 0,05%	0 0,0%	0 0,0%	1 0,3%	0 0,0%
4	Chuyển trường đến	26	6	10	8	2
	Chuyển trường đi	26	8	10	6	2
5	Bị đuổi học	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	11	2	4	4	1
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	38				38
2	Cấp tỉnh/thành phố	16				16
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	452				425
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp cả hai hệ	425				425
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	180 42,4%				180 42,4%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	157 36,9%				157 36,9%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	88 20,7%				88 20,7%
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1037/982	345/337	280/254	192/186	220/205
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	245	81	65	43	56

Quận 6, ngày 18 tháng 6 năm 2024



Đinh Phú Cường

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	TB	Kém
1	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	104		8	83	4	1	7	20	60		101			
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	1			1										
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1				1									
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1										
7	Nhân viên công nghệ thông tin	1				1									
8	Nhân viên khác	6						6							

Quận 6, ngày 18 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

